

Số: 1709/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành và 01 thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 176/QĐ-BTC ngày 13/2/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cục Quản lý giá thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý giá và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLG (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Tấn Cận

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC THAY THẾ
LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 1709/QĐ-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Đăng ký hành nghề thẩm định giá	Quản lý giá	Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	1.011500	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	- Luật Giá ngày 19/6/2023 - Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá	Quản lý giá	Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp thẩm định giá nộp hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá cho Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính bằng một trong các phương thức sau: dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có).

- Bước 2: Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính chuyển hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá của Doanh nghiệp tới Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) để xử lý theo quy định.

- Bước 3:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ cho thấy người có thể thẩm định viên về giá chưa đáp ứng đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá, Bộ Tài chính có văn bản trả lời về lý do chưa đủ điều kiện đăng ký hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và được Bộ Tài chính tiếp nhận trước ngày 15 của tháng đó thì được Bộ Tài chính thông báo là thẩm định viên về giá trong danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh hằng tháng.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp online trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ giấy tờ chứng minh đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính phù hợp với

lĩnh vực chuyên môn đăng ký hành nghề và còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký hành nghề trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

c) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 bản giấy do cơ quan có thẩm quyền cấp không quá 06 tháng tính đến thời điểm đăng ký hành nghề hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Phiếu này hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1 bản điện tử được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID không quá 06 tháng tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

d) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá với vai trò là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp;

đ) Giấy xác nhận thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ sổ bảo hiểm xã hội thể hiện quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trừ trường hợp đã được thông báo là thẩm định viên về giá theo quy định của Luật Giá;

e) Bản sao hợp đồng lao động ký kết giữa doanh nghiệp và người có thẻ thẩm định viên về giá trừ trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, hồ sơ sẽ không được xem xét để đưa vào thông báo danh sách thẩm định viên về giá.

b) Trường hợp hồ sơ cho thấy người có thẻ thẩm định viên về giá chưa đáp ứng đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có) đến doanh nghiệp lý do chưa đủ điều kiện đăng ký hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và được Bộ Tài chính tiếp nhận trước ngày 15 của tháng đó thì được Bộ Tài chính thông báo là thẩm định viên về giá trong danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh hằng tháng.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người có thẻ thẩm định viên về giá và doanh nghiệp thẩm định giá

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Thông báo danh sách điều chỉnh thẩm định viên hằng tháng của Bộ Tài chính theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024.

+ Thông báo lý do chưa đủ điều kiện đăng ký hành nghề.

1.8. Phí, Lệ phí: Không có

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Các mẫu số 01, 02, 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá .

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động đang còn hiệu lực với doanh nghiệp mà người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá, trừ trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

c) Có tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá với trình độ đại học trở lên từ đủ 36 tháng. Trường hợp làm việc với trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng theo quy định của pháp luật thì tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ đủ 24 tháng;

d) Đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

đ) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Giá.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

- Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

2. Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tới Bộ Tài chính qua Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính, bằng một trong các phương thức sau: dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, doanh nghiệp nộp phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Bước 2: Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính chuyển hồ sơ của Doanh nghiệp đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tới Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) để xử lý theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) xem xét để cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến. Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện và gửi bổ sung hồ sơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có văn bản thông báo không cấp, cấp lại.

+ Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp không đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) có văn bản thông báo lý do không cấp, cấp lại.

+ Trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá đề nghị cấp lại chỉ vì lý do giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 78/2024/NĐ-CP, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo mẫu quy định tại Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

2.2. Cách thức thực hiện:

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến Bộ Tài chính bằng một trong các phương thức sau: dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;

c) Hồ sơ đăng ký hành nghề theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá của ít nhất 05 người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp; trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, mỗi chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá cần có thêm ít nhất hồ sơ đăng ký hành nghề của 03 người có thể thẩm định viên về giá;

d) Danh sách có xác nhận của doanh nghiệp về thành viên góp vốn, cổ đông là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Danh sách này trong trường hợp không có thông tin về danh sách thành viên góp vốn, danh sách cổ đông tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

đ) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2.3.2. Số lượng hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: 01 bộ

2.3.3. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;

c) Danh sách có xác nhận của doanh nghiệp về thành viên góp vốn, cổ đông là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp,

thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Danh sách này trong trường hợp không có thông tin về danh sách thành viên góp vốn, danh sách cổ đông tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Bản gốc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận hoặc giấy chứng nhận bị rách; bản kê khai lý do bị mất giấy chứng nhận và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung đã kê khai hoặc bản sao điện tử hợp lệ của bản kê khai này trong trường hợp đề nghị cấp lại do giấy chứng nhận bị mất;

đ) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ các tài liệu chứng minh cho việc thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận;

e) Hồ sơ đăng ký hành nghề theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá của những người có thể thẩm định viên về giá có liên quan đến việc cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (nếu có).

2.3.4. Số lượng hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định:

- Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp không đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính có văn bản thông báo lý do không cấp, cấp lại;

- Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến. Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Hết thời hạn 10 ngày, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo đến doanh

nghiệp về việc không cấp, cấp lại bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.

- Trường hợp đề nghị cấp lại vì lý do giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, bị rách, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm 2.3.3, Bộ Tài chính cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp thẩm định giá

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024;

+ Thông báo về việc không cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

2.8. Phí, lệ phí : 4.000.000 đồng đối với cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; 2.000.000 đồng đối với Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

2.10. Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

2.10.1. Điều kiện chung:

+ Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

+ Có ít nhất 05 người có thẻ thẩm định viên về giá đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định của khoản 1 Điều 45 của Luật Giá. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, mỗi chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá cần có ít nhất 03 người có thẻ thẩm định viên về giá đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định của khoản 1 Điều 45 của Luật Giá.

+ Đối với người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá (quy định tại Điều 51 Luật Giá 2023):

(i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(ii) Là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(iii) Là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

(iv) Có ít nhất 03 năm (36 tháng) là thẩm định viên về giá;

(v) Không thuộc các trường hợp đã giữ vị trí người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 12 tháng đối với doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá lần đầu và 60 tháng đối với doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá từ lần 02 trở lên tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

(vi) Có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động đang còn hiệu lực với doanh nghiệp mà người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá, trừ trường hợp người có thể thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

(vii) Đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(viii) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Giá 2023.

+ Tổng số vốn góp của các thành viên hoặc cổ đông là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

+ Đối với thành viên góp vốn hoặc cổ đông của doanh nghiệp thẩm định giá là tổ chức: (i) Thành viên là tổ chức được góp không quá 35% vốn điều lệ. Trường hợp có nhiều tổ chức góp vốn thì tổng số vốn góp của các tổ chức tối đa bằng 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thẩm định giá. (ii) Người đại diện theo ủy quyền của của tổ chức góp vốn phải là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp.

2.10.2. Điều kiện tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp:

+ Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh thì chủ doanh nghiệp, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp tư nhân; người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật Giá. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân, các thành viên hợp danh công ty hợp danh phải là

người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp;

+ Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật Giá; đồng thời doanh nghiệp phải có ít nhất 02 thành viên góp vốn hoặc 02 cổ đông phải là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp.

2.10.3 Điều kiện đối với chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Phải có ít nhất 03 người có thể thẩm định viên về giá đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại chi nhánh. Những người này không được đồng thời đăng ký hành nghề thẩm định giá tại trụ sở chính hoặc chi nhánh khác của doanh nghiệp thẩm định giá;

b) Người đứng đầu chi nhánh phải là người có thể thẩm định viên về giá đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại chi nhánh đó.

c) Quyết định bằng văn bản của doanh nghiệp thẩm định giá cho phép chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện hoạt động thẩm định giá.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Giá ngày 19/6/2023; Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.